

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH QUẢNG TRỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 18/2024/DS-PT

Ngày 29/02/2024

"V/v tranh chấp quyền  
sử dụng đất"

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Hoài Thủy;

*Các Thẩm phán:* Ông Phan Hồng Phước;

Ông Lê Văn Luật.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Kiều Trinh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Trà Linh – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 02 năm 2024, tại Phòng xét xử số 03 - Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 49/2023/TLPT-DS ngày 09 tháng 10 năm 2023 về việc "*Tranh chấp quyền sử dụng đất*". Do Bản án dân sự sơ thẩm số 14/2023/DS-ST ngày 30 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 01/2024/QĐ-PT ngày 02 tháng 01 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2024/QĐ-PT ngày 29 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ông Nguyễn Hải H; địa chỉ: Khóm B, T, huyện Đ, tỉnh Quảng Trị và bà Nguyễn Thị L; địa chỉ: Khu phố A, thị trấn C, huyện C, tỉnh Quảng Trị; có mặt.

- **Bị đơn:** Ông Nguyễn Văn L1 (Nguyễn L1) và bà Lương Thị C; cùng địa chỉ: Khu phố B, Phường D, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị; ông L1 có mặt, bà C vắng mặt.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Ông Nguyễn L2 (Nguyễn Văn L3); ông Nguyễn D (Nguyễn Văn D1); bà Nguyễn Thị T; bà Nguyễn Thị H1; cùng địa chỉ: Khu phố B, Phường D, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị; vắng mặt.

- Ông Nguyễn S (Nguyễn Văn S1, Nguyễn Văn S2); địa chỉ: Tổ F, Ấp B, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai; vắng mặt.

- Ông Nguyễn D2 (Nguyễn Văn D3); địa chỉ: Tổ G, Ấp B, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai; vắng mặt.

- Bà Nguyễn Thị B; địa chỉ: Tổ F, ấp B, xã T, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; vắng mặt.

- Bà Đào Thị H2 và ông Nguyễn Văn Q; địa chỉ: Khu phố B, Phường D, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị; vắng mặt.

**Người kháng cáo** – Bị đơn: Ông Nguyễn Văn L1 (Nguyễn L1) và bà Lương Thị C.

### NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1] Theo đơn khởi kiện đề ngày 09/11/2022 cùng với các tài liệu, chứng cứ kèm theo, nguyên đơn là ông Nguyễn Hải H và bà Nguyễn Thị L trình bày:

Ngày 12/8/2021, vợ chồng ông H, bà L được giao quyền sử dụng 83m<sup>2</sup> đất ở đô thị tại thửa đất số 255, tờ bản đồ số 14 của Phường D, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sau đây viết tắt: Giấy CNQSDĐ), quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CX 863199 do Sở TN&MT tỉnh Q cấp. Thửa đất số 255 có đặc điểm như sau:

- Cạnh chiều dài: 15,03m- 14,43m;
- Cạnh chiều rộng phía Tây (5,51m) tiếp giáp đường L;
- Cạnh chiều rộng phía Đông (5,5m) tiếp giáp thửa đất thuộc quyền sử dụng của ông Nguyễn P, ông P chết năm 2021 nên vợ chồng ông Nguyễn Văn L1, bà Lương Thị C hiện đang trực tiếp sử dụng (ông L1 là con của ông P). Nguồn gốc thửa đất số 255:

- Ngày 21/12/2004, ông Nguyễn Văn P1 chuyển nhượng quyền sử dụng diện tích 83m<sup>2</sup> đất ở cho ông D4. Sau đó, ông D4 được cấp Giấy CNQSDĐ, với diện tích 83m<sup>2</sup> đất ở, thửa đất số 91a, tờ bản đồ số 14 của Phường D, Đ.

- Năm 2021, ông D4 chuyển nhượng lại toàn bộ thửa đất nêu trên cho ông T1, bà O; ngày 29/6/2021, ông T1, bà O được cấp Giấy CNQSDĐ với diện tích 83m<sup>2</sup> đất ở, thửa đất số 255, tờ bản đồ số 14 của Phường D. Sau đó, ông T1, bà O chuyển nhượng lại toàn bộ thửa đất nêu trên cho ông N, bà V; ngày 20/7/2021, cơ quan có thẩm quyền chỉnh lý trang 4 Giấy CNQSDĐ sang tên ông N, bà V.

- Ngày 30/7/2021, ông N, bà V chuyển nhượng lại toàn bộ thửa đất nêu trên cho ông H, bà L; ngày 12/8/2021 ông H, bà L được cấp Giấy CNQSDĐ số CX 863199, với diện tích 83m<sup>2</sup> đất ở đô thị, thửa số 255, tờ bản đồ số 14 của Phường D.

Ngoài chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông D4, thì ông Nguyễn Văn P1 còn chuyển nhượng và tặng cho quyền sử dụng đất đối với một số người khác nên diện tích còn lại là 1.390m<sup>2</sup>, thửa số 91, tờ bản đồ số 14 của Phường D (theo bản vẽ

đo đạc bản đồ địa chính do Văn phòng ĐKĐĐ tỉnh Q - Chi nhánh thành phố Đ lập ngày 19/8/2014) và Giấy CNQSDĐ số AD 213720 do UBND thị xã Đ cấp ngày 28/9/2002, chỉnh lý biến động ngày 8/2/2007.

Ông Nguyễn Văn P1 có vợ là bà Nguyễn Thị B1 (chết năm 1978) và có 08 người con, gồm: Ông L3, ông L1, ông S1, ông D1, ông D5, bà B, bà T và bà H1. Năm 2021, ông P1 chết, toàn bộ diện tích đất (1.193m<sup>2</sup>) hiện hộ ông P1 vẫn đang đứng tên chủ sử dụng đất nhưng vợ chồng ông L1, bà C đang trực tiếp sử dụng.

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc vợ chồng ông L1 và bà C phải tháo dỡ, thu hồi toàn bộ vật kiến trúc và cây cối để trả lại phần diện tích đất đã lấn chiếm 5,5m<sup>2</sup> (01m x 5,5m) cho vợ chồng ông H, bà L.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể: Buộc bị đơn phải tháo dỡ các trụ bê tông trên diện tích đất lấn chiếm và giao trả diện tích đất đã lấn chiếm là 4,9m<sup>2</sup> cho ông H, bà L (Rút yêu cầu đối với: 0,6m<sup>2</sup> đất).

[2] Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là ông Nguyễn Văn L1 và bà Lương Thị C không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Riêng ông L1 có đơn gửi đến Tòa án, với nội dung: Trước đây ông P1 có chuyển nhượng cho ông Nguyễn V1 (hiện trú tại Khu phố A, Phường D, thành phố Đ) một thửa đất nhưng do đường khu vực chưa làm nên hai bên không tiến hành thủ tục chuyển nhượng theo quy định mà chỉ cắm mốc. Sau khi đường L làm xong, hai bên mời cán bộ địa chính phường về đo đạc lại và xác định: Thửa đất chuyển nhượng có cạnh phía Đông tiếp giáp đường L, dài 17m; cạnh phía Tây dài 15m; Sau đó, ông V1 chia thửa đất nhận chuyển nhượng cho ông L4 01 phần, ông V1 sử dụng 02 phần; ông L4 chuyển nhượng lại cho ông D4; diện tích đất còn lại của gia đình ông P1 sau khi chuyển nhượng bị thiếu từ 300m<sup>2</sup> đến 400m<sup>2</sup>.

[3] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm: Ông Nguyễn L3, ông Nguyễn D1, bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị H1, ông Nguyễn S1, ông Nguyễn D6, bà Nguyễn Thị B, bà Đào Thị H2 và ông Nguyễn Văn Q đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không có ý kiến bằng văn bản gửi cho Tòa án.

*Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 14/2023/DS-ST ngày 30/5/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị quyết định:*

Căn cứ khoản 1 Điều 203 Luật Đất đai; Điều 175, khoản 1 Điều 579 Bộ luật Dân sự; khoản 9 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 156; Điều 157; Điều 158 và khoản 2 Điều 244; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí, tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hải H và bà Nguyễn Thị L: Buộc ông Nguyễn Văn L1, bà Lương Thị C phải tháo dỡ các trụ bê tông trên đất lấn chiếm (4,9m<sup>2</sup>) của ông Nguyễn Hải H và bà Nguyễn Thị L. Buộc ông Nguyễn Văn L1, bà Nguyễn Thị C1 phải giao trả diện tích đất lấn chiếm là 4,9m<sup>2</sup> cho ông Nguyễn Hải H và bà Nguyễn Thị L. Kích thước cạnh của 4,9m<sup>2</sup> đất, thứ tự như sau: 0,91 mét - 5,31 mét - 0,92 mét - 5,41 mét (Có sơ đồ kèm theo).

- Đình chỉ xét xử sơ thẩm đối với phần yêu cầu nguyên đơn tự nguyện rút, cụ thể: Buộc ông Nguyễn Văn L1, bà Lương Thị C phải có nghĩa vụ tháo dỡ các vật kiến trúc trên đất đã lấn chiếm là 0,6m<sup>2</sup> và giao trả diện tích đất đã lấn chiếm là 0,6m<sup>2</sup> đất cho ông Nguyễn Hải H và bà Nguyễn Thị L. Ông Nguyễn Hải H và bà Nguyễn Thị L, có quyền khởi kiện lại yêu cầu đã rút theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về phần chi phí tố tụng, án phí, quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 04/7/2023, bị đơn ông L1, bà C nộp đơn kháng cáo quá hạn và đã được Hội đồng xét kháng cáo quá hạn chấp nhận kháng cáo quá hạn. Bị đơn kháng cáo toàn bộ Bản án Dân sự sơ thẩm số 14/2023/DS-ST ngày 30/5/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy Bản án sơ thẩm để xét xử lại, với các lý do:

- Bị đơn không nhận được thông báo về thời gian, địa điểm mở phiên tòa.

- Thửa đất số 255, tờ bản đồ số 14 trước đây là thửa đất số 91, tờ bản đồ số 14 của ông P1 đã chết. Hiện nay, ông L1, bà C đang sử dụng bị chồng lấn là do góc bán tọa độ của mảnh đất ông H lùi vào quá xa (2.97m và 2.52m) so với vạch mốc góc trước đây do địa chính UBND Phường 4 xác định.

- Việc đo đạc qua các thời kỳ được thực hiện theo các phương thức khác nhau nên dẫn đến có sự khác nhau về số đo, diện tích nên không thể kết luận gia đình ông L1 lấn chiếm đất của gia đình ông H.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và ý kiến của mình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và của người tham gia tố tụng và phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán cấp phúc thẩm đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý phúc thẩm cho đến trước khi mở phiên tòa. Trình tự thủ tục thời hạn được đảm bảo. Việc chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng quy định tại Điều 285, 286, 287, 290, 292 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử

và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Người tham gia tố tụng thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Áp dụng khoản 1 Điều 308 BLTTDS năm 2015 không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 14/2023/DS-ST ngày 30/5/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị.

Về án phí: Bị đơn phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

### NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Xác định quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn ông Nguyễn Hải H và bà Nguyễn Thị L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn ông Nguyễn Văn L1 (Nguyễn L1) và bà Lương Thị C phải tháo dỡ các trụ bê tông trên diện tích đất lấn chiếm và giao trả diện tích đất lấn chiếm là 4.9m<sup>2</sup> tại Phường D, thành phố Đ cho nguyên đơn ông H, bà L. Tòa án cấp sơ thẩm xác định đây là vụ án dân sự về “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Đông Hà theo quy định tại khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự là đúng pháp luật.

[1.2] Về thời hạn kháng cáo: Kháng cáo quá hạn của bị đơn được chấp nhận, đơn kháng cáo đảm bảo nội dung, hình thức theo quy định, đã nộp tiền án phí phúc thẩm nên được Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giải quyết vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn:

[2.1] Ngày 01/7/2023 bị đơn có kháng cáo đối với Bản án sơ thẩm số 14/2023/DT-ST ngày 30/5/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Đông Hà, bị đơn cho rằng bị đơn không được nhận bất kỳ thông báo nào về thời gian, địa điểm diễn ra phiên tòa. Vì vậy, không thể kết luận bị đơn vắng mặt không có lý do.

Căn cứ vào các tài liệu, hồ sơ có trong vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành tổng đạt quyết định hoãn phiên tòa có ấn định thời gian, địa điểm mở lại phiên tòa cho bị đơn ông L1 và bà C. Tại bút lục số 203 thể hiện: Ông L1, bà C đã nhận quyết định hoãn phiên tòa nhưng từ chối ký vào biên bản cấp, tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng của Tòa án có sự chứng kiến của Khu phố trưởng Khu phố 2 và xác nhận của

U, thành phố Đ. Do đó, bị đơn kháng cáo cho rằng bị đơn không nhận được thông báo về thời gian, địa điểm diễn ra phiên tòa là không có căn cứ chấp nhận.

[2.2] Ngày 12/8/2021 vợ chồng ông H, bà L được giao quyền sử dụng 83m<sup>2</sup> đất ở đô thị, thửa đất số 255, tờ bản đồ số 14 của Phường D, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị, theo Giấy CNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CX 863199 do Sở TN&MT tỉnh Quảng Trị cấp, thửa đất có đặc điểm như sau:

- Cạnh chiều dài: 15,03m - 14,43m;
- Cạnh chiều rộng phía Tây (5,51m) tiếp giáp đường L;
- Cạnh chiều rộng phía Đông (5,5m) tiếp giáp thửa đất thuộc quyền sử dụng của ông Nguyễn P1. Ông P1 chết năm 2021 nên vợ chồng ông Nguyễn Văn L1, bà Lương Thị C hiện đang trực tiếp sử dụng (ông L1 là con của ông P1).

[2.2.1] Nguồn gốc thửa đất:

- Thửa đất số 91, tờ bản đồ số 14 tại Phường D, thành phố Đ: Ngày 15/11/2004, UBND thị xã Đ, giao quyền sử dụng đất cho hộ gia đình ông P1 1.837m<sup>2</sup> đất (đất ở 500m<sup>2</sup>, đất vườn 1.337m<sup>2</sup>), thửa đất số 91, tờ bản đồ số 14 của Phường D theo Quyết định số 4243/QĐ-UB và GCNQSDĐ số Đ 655174. Sau đó, được tách ra nhiều thửa, gồm: Ngày 21/12/2004, ông P1 chuyển nhượng cho ông Phan Văn D7 quyền sử dụng diện tích 83m<sup>2</sup> đất ở tại thửa đất số 91a được UBND thị xã Đ cấp Giấy CNQSDĐ số AD 213719 ngày 28/9/2005; chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn V2, bà Phan Thị N1 diện tích 172m<sup>2</sup> đất ở tại thửa đất số 91b được UBND thị xã Đ cấp Giấy CNQSDĐ số AD 213718 ngày 28/9/2005; diện tích còn lại 1.582m<sup>2</sup> (trong đó có 245m<sup>2</sup> đất ở, đất trồng cây hàng năm khác 1.337m<sup>2</sup>) tại thửa đất số 91 được UBND thị xã Đ cấp Giấy CNQSDĐ số AD 213720 cho hộ ông Nguyễn Văn P1 (cấp lại) ngày 28/5/2005. Ngày 15/01/2007, ông P1 tặng cho vợ chồng ông Nguyễn D1, bà Trần Thị V3 diện tích 192m<sup>2</sup> (trong đó 100m<sup>2</sup> đất ở, đất vườn 92m<sup>2</sup>); ngày 08/02/2007, Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Q - Chi nhánh Đ chỉnh lý trang 4 của GCNQSDĐ số AD 213720, cụ thể: Diện tích đất còn lại của chủ hộ ông Nguyễn P1 là 1.390m<sup>2</sup> đất (đất ở: 145m<sup>2</sup>, đất trồng cây hàng năm khác: 1.245m<sup>2</sup>). Ngày 19/8/2014, VPĐKĐĐ – Chi nhánh Đ đo đạc, chỉnh lý tách thửa đối với thửa đất số 91 thành 3 thửa: Thửa đất số 91 có diện tích 1.193m<sup>2</sup>; thửa đất số 180 có diện tích 85m<sup>2</sup> và thửa đất số 181 có diện tích 112m<sup>2</sup>.

- Thửa đất số 255, tờ bản đồ số 14, diện tích 83m<sup>2</sup> đất ở đô thị, địa chỉ thửa đất Phường D, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị: Sau khi ông Phan Văn D7 nhận chuyển nhượng đất của ông P1 với diện tích 83m<sup>2</sup>. Năm 2021, ông D7 chuyển nhượng lại toàn bộ thửa đất nêu trên cho ông Hoàng Mạnh T2, bà Đỗ Thị Kim O1, ngày 29/6/2021 ông T2, bà O1 được cấp Giấy CNQSDĐ số CX 863845, với diện tích 83m<sup>2</sup> đất ở đô thị; ông T2, bà O1 chuyển lại toàn bộ thửa đất nêu trên cho ông Dương

Đức N2, bà Phan Thị Kim V4 và ngày 20/7/2021, cơ quan có thẩm quyền chỉnh lý trang 4 Giấy CNQSDĐ số CX 863845 sang tên ông N2, bà V4; ngày 30/7/2021, ông N2, bà V4 chuyển nhượng lại toàn bộ thửa đất nêu trên cho ông H, bà L và ngày 12/8/2021 ông H, bà L được cấp Giấy CNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CX 863199, với diện tích 83m<sup>2</sup> đất ở đô thị, thửa đất số 255, tờ bản đồ số 14 tại Phường D, thành phố Đ.

[2.2.2] Căn cứ kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 07/3/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Đông Hà thì diện tích đất mà ông H, bà L đang sử dụng là 77.9m<sup>2</sup>; gia đình ông L1 đang sử dụng diện tích 1.416,4m<sup>2</sup> (nhiều hơn được cấp Giấy CNQSDĐ 26m<sup>2</sup>). Như vậy, ông L1, bà C đang sử dụng diện tích 4.9m<sup>2</sup> (phía Đông thửa đất ông H, bà L) đất đã được cấp Giấy CNQSDĐ đất cho ông H, bà L nên Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn tháo dỡ cột bê tông để trả lại đất cho nguyên đơn là có căn cứ pháp luật.

[2.2.3] Ông L1 cho rằng thửa đất số 255, tờ bản đồ số 14 của ông H, bà L. Hiện nay, ông L1, bà C đang sử dụng đất của mình chồng lấn là do góc bản tọa độ của mảnh đất ông H lùi vào quá xa (2.97m và 2.52m) so với vạch mốc góc trước đây do địa chính UBND Phường 4 xác định là không có căn cứ.

Từ những phân tích trên, việc Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là đúng quy định của pháp luật. Do đó, không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí: Kháng cáo của bị đơn không được chấp nhận nên bị đơn ông L1, bà C phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm theo quy định pháp luật.

[4] Về chi phí tố tụng: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu số tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ theo quy định của pháp luật.

[5] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ thời điểm hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự: Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Văn L1 (Nguyễn L1) và bà Lương Thị C, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 14/2023/DS-ST ngày 30/5/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị.

Căn cứ khoản 1 Điều 203 Luật Đất đai; Điều 175, khoản 1 Điều 579 Bộ luật Dân sự; căn cứ khoản 9 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 156; Điều 157; Điều 158 và khoản 2 Điều 244; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3

Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hải H và bà Nguyễn Thị L:

- Buộc ông Nguyễn Văn L1, bà Lương Thị C phải tháo dỡ các trụ bê tông trên đất lấn chiếm (4,9m<sup>2</sup>) của ông Nguyễn Hải H và bà Nguyễn Thị L (phía Đông thửa đất 255).

- Buộc Nguyễn Văn L1, bà Nguyễn Thị C1 phải giao trả diện tích đất lấn chiếm là 4,9m<sup>2</sup> cho ông Nguyễn Hải H và bà Nguyễn Thị L (phía Đông thửa đất 255), có kích thước cạnh 0,91mét - 5,31 mét - 0,92mét - 5,41 mét.

(Có sơ đồ kèm theo)

2. Đình chỉ xét xử sơ thẩm đối với phần yêu cầu nguyên đơn tự nguyện rút, cụ thể: Buộc ông Nguyễn Văn L1, bà Lương Thị C phải có nghĩa vụ tháo dỡ các vật kiến trúc trên đất đã lấn chiếm là 0,6m<sup>2</sup> và giao trả diện tích đất đã lấn chiếm là 0.6m<sup>2</sup> đất cho ông Nguyễn Hải H và bà Nguyễn Thị L. Ông Nguyễn Hải H và bà Nguyễn Thị L, có quyền khởi kiện lại yêu cầu đã rút theo quy định pháp luật.

3. Về án phí và chi phí tố tụng:

- Về án phí: Bị đơn ông Nguyễn Văn L1 (Nguyễn L1) và bà Lương Thị C phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0000921 ngày 10 tháng 8 năm 2023 của Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị. Ông L1, bà C đã nộp đủ.

- Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Buộc ông Nguyễn Văn L1 (Nguyễn L1) và bà Lương Thị C phải chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ số tiền là 5.215.000 đồng (Năm triệu hai trăm mười lăm nghìn đồng), số tiền này nguyên đơn ông Nguyễn Hải H và bà Nguyễn Thị L đã tạm nộp nên ông L1, bà C phải có nghĩa vụ hoàn trả lại cho ông H, bà L số tiền 5.215.000 đồng (Năm triệu hai trăm mười lăm nghìn đồng)

*Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.*

*Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi*



*hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án.*

Những phần của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận:***

- VKSND tỉnh Quảng Trị;
- TAND thành phố Đông Hà;
- VKSND thành phố Đông Hà;
- Chi cục THADS thành phố Đông Hà;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV & THA;
- Tổ HCTP;
- Lưu: HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Hoài Thủy**